TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Anh Đức
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hà
2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th; Sinh năm: 1994
Địa chỉ: Thôn Thủ Chính, xã Thành Trực, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tăng Th; Sinh năm: 1992
Địa chỉ: Thôn Thủ Chính, xã Thành Trực, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên tòa có mặt chị Thúy, vắng mặt anh Thoại lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2019 chị Bùi Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tăng Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/8/2015 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã Thành Trực, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Thời gian kéo dài khiến cho vợ chồng càng thêm mệt mỏi và chán nản. Vợ chồng đã sống ly thân đến nay đã được hơn một năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể níu kéo được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị Trà V, sinh ngày 31/12/2012. Ly hôn, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày ngày 22/02/2019 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa, chị Th thay đổi yêu cầu về việc nuôi con do điều kiện công việc của chị không ổn định, thường xuyên phải đi làm ăn xa nên chưa đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con nên chị yêu cầu giao con cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Tăng Th và triệu tập anh Th hai lần để nộp bản tự khai nhưng anh Th đều vắng mặt nên không có lời khai của anh Th trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn đã không tuân thủ các quy định của BLTTDS. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Tăng Th; Về con cái: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Trà V, sinh ngày 31/12/2012 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các quy định của pháp luật, HĐXX nhận định:

[1]. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng Viện kiểm sát được biết.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Th không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Th theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh Th đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh Th đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, anh Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh Th.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Tăng Th kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 17/8/2015 tại UBND xã Thành Trực, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, như vậy là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Thời gian kéo dài khiến cho vợ chồng càng thêm mệt mỏi và chán nản. Vợ chồng đã sống ly thân đến nay đã được hơn một năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được các cấp chính quyền xã Thành Trực xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Th, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Tăng Th.

[6]. Về con cái: Chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Tăng Th có một con chung là Nguyễn Thị Trà V, sinh ngày 31/12/2012. Ly hôn, chị Th yêu cầu được giao con cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu V luôn ở với anh Th và ông bà nội. Mặt khác, chị Th công việc không ổn định, thường xuyên phải đi làm ăn xa nên không tiện cho việc chăm sóc, giáo dục con. Do đó, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu V cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th.

[7]. Về tài sản: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Tăng Th.

Về con cái: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Trà V, sinh ngày 31/12/2012 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th. Chị Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà chị Th đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2016/0003547 ngày 14/02/2019, chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Bùi Thị Th, vắng mặt anh Nguyễn Tăng Th. Chị Th có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành Trực;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Anh Đức